**Tiếng Việt**

**- 99+100 -**

**Bài 47: om, op**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các vần **om, op;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **om, op.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **om,** vần **op.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Lừa và ngựa.*

- Viết đúng các vần **om, op;** các tiếng **đom đóm, họp** (tổ) (trên bảng con).

**2. Góp phần pháp triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế

- Hợp tác có hiệu quả với các bạn trong nhóm, trong tổ và trong lớp.

- Trong cuộc sống cần giúp đỡ nhau khi khó khăn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, ti vi chiếu hình minh họa từ khóa và từ trong bài tập mở rộng vốn từ hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật

- Vở bài tập tiếng việt 1

- Bảng con, phấn

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* Ổn định tổ chức** (1’)  **A. Hoạt động mở đầu** (5’)  - GV gọi HS đọc bài *Gà nhí nằm mơ* (bài 46)  ? Vì sao gà nhí nằm mơ bị quạ cắp đi, kêu ầm ĩ nhưng lại ngủ thiếp đi?  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét  **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **1. Giới thiệu bài** (2’)  - GV: Hôm nay, các em sẽ được học 2 vần mới, đó là vần  ***om, op*** **.**  **2. Chia sẻ và khám phá** (BT1: Làm quen)  **2.1.** Dạy vần **om** (5’)  - GV chỉ vần **om** (từng chữ **o, m)**  - GV yêu cầu HS phân tích vần **om**  - GV gọi HS đánh vần và đọc trơn.  - GV chỉ hình, hỏi:  ? Đây là com gì?  ? Trong từ *đom đóm* tiếng nào có vần **om**?  - GV giới thiệu con đom đóm  - GV giới thiệu mô hình tiếng **đom**  **-** GV tương tự yêu cầu HS đánh vần tiếng **đóm**  - GV chỉ lại mô hình vần **om,** mô hình tiếng **đom đóm**  **2.2.** Dạy vần **op** (5’)  - GV chỉ vần **op** (từng chữ **o, p)**  - GV yêu cầu HS phân tích vần **op**  - GV gọi HS đánh vần và đọc trơn.  - GV chỉ hình, hỏi:  ? Đây là gì?  ? Trong từ *họp tổ* tiếng nào có vần **op**?  - GV chỉ lại mô hình vần **op,** mô hình tiếng **họp,** từ khoá.  ? Các em vừa được học vần mới, tiếng mới nào?  - GV chỉ mô hình từng vần, tiếng, cả lớp đánh vần, đọc trơn.  **3. Hoạt động luyện tập**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (5’)(BT 2: Tìm tiếng có vần **om,** tiếng có vần **op**)  - GV xác định yêu cầu  - GV chỉ từng chữ dưới hình  - GV giải nghĩa: *chỏm mũ* (phần nhô lên trên cùng của cái mũ); *lom khom* (tư thế còng lưng xuống); *gom góp* (tập hợp dần dần).  - GV yêu cầu từng cặp HS tìm tiếng có vần **om,** vần **op** trong VBT.  - GV mời HS báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng từ in đậm.  - GV yêu cầu HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần **om** (bom, còm, hòm, tóm,...); có vần **op** (bóp, chóp, ngóp, tóp,...).  **3.2. Tập viết (BT4 - Bảng con)** (10’)  a. Đọc  - GV yêu cầu HS đọc đọc các chữ, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp.  b. GV hướng dẫn HS viết vần **om, op**  - GV mời HS đọc vần **om, op,** nói cách viết, độ cao các con chữ.  -GV viết mẫu, hướng dẫn cách viết. Chú ý: viết **o** và **m, o** và **p** không xa quá hay gần quá.  - GV yêu cầu HS viết: **om, op.**  c. Viết: **đom đóm, họp tổ** (tương tự mục b).  - GV viết mẫu, hướng dẫn: **đom** (viết chữ **đ** cao 4 li, tiếp đến vần **om); / đóm** có dấu sắc trên **o; / họp** (viết chữ **h** cao 5 li, **p** 4 li, dấu nặng đặt dưới **o).**  - GV yêu cầu HS viết: **đom đóm, họp** (tổ).  - GV nhận xét  **\* Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV nhận xét tiết học.  - Ôn, đọc lại các âm, chữ **om, op**  - Tìm xung quanh nơi em sống các sự vật, con vật có vần **om, op**  - Luyện viết bảng con thêm các vần, các tiếng vừa học. | - 1 HS đọc  - HS trả lời  - HS nhận xét  - HS quan sát và lắng nghe  - HS đọc âm **o,** chữ **m,** vần **om.**  - HS phân tích: vần **om** gồm có âm **o** đứng trước, âm **m** đứng sau.  - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần: **o - mờ - om** */* **om.**  - HS trả lời: Đom đóm  - Tiếng **đom** và tiếng **đóm** đều có vần **om.**  - HS nghe  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần: đờ - om - đom / đom  - HS thực hiện tương tự  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn: o - mờ - om / đờ - om - đom / đờ - om - đom - sắc - đóm / đom đóm.  - HS đọc âm **o,** chữ **p,** vần **op.**  - HS phân tích: vần **op** gồm có âm **o** đứng trước, âm **p** đứng sau.  - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần: **o - pờ - op / op**  - HS trả lời: họp tổ  - Tiếng **họp** có vần **op**  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần: hờ - op - hop - nặng - họp / họp.  - HS nói 2 vần mới học: **om, op,** 2 tiếng mới học: **đom, họp.**  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn  - HS quan sát, nghe  - 1 HS đọc  - Cả lớp đọc: *cọp (hổ), khóm tre, chỏm mũ, lom khom, xóm quê, gom góp.*  - HS quan sát, nghe  - HS làm bài trong VBT  - 2 HS báo cáo kết quả  - Cả lớp: Tiếng **cọp** có vần **op.** Tiếng **khóm** có vần **om,...**  - HS tìm và nói  - HS đọc: **om, op, đom đóm, họp**  - 1 HS thực hiện  - HS quan sát, lắng nghe  - HS viết bảng con  - HS quan sát, lắng nghe  - HS viết bảng con  - HS nhận xét |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* Ổn định tổ chức (1’)**  **3. Hoạt động luyện tập**  **3.3. Tập đọc** (BT 3)(32’)  a. GV chỉ hình, giới thiệu truyện *Lừa và ngựa.* Câu chuyện nói về mối quan hệ giữa con người với nhau trong cuộc sống.  b. GV đọc mẫu  c. Luyện đọc từ ngữ:  - GV yêu cầu HS gạch chân các từ sau: **còm nhom, lắm đồ, chả nghe, thở hí hóp, xếp đồ** và luyện đọc.  - GV giải nghĩa từ: *thở hí hóp* (thở mệt nhọc, yếu ớt, như sắp hết hơi).  d. Luyện đọc câu  ? Bài đọc có mấy mấy câu?  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng.  - GV yêu cầu HS đọc tiếp nối từng câu  - GV yêu cầu HS tìm, đọc tiếng trong bài có vần **om***,* vần **op**  e. Thi đọc nối tiếp đoạn  - GV tổ chức thi đọc tiếp nối 2 đoạn (4 câu/ 2 câu).  g. Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC; chỉ từng ý a, b (chưa hoàn chỉnh) cho HS đọc.  - GV yêu cầu HS hoàn thành 2 câu văn, làm bài trong VBT.  - GV gọi 1 vài HS nói kết quả  - GV khuyến khích cách nói sáng tạo:  + Ý a: Lừa nhờ ngựa chở đỡ đồ, ngựa *chả thèm nghe lừa /* (hoặc) *ngựa mặc kệ, không chịu giúp lừa / ngựa phớt lờ, chẳng chịu giúp bạn /...*  + Ý b: Lừa ngã, thở hí hóp, thế là *bà chủ xếp hết đồ từ lừa qua ngựa. /* (hoặc) *bà chủ xếp tất cả đồ đạc nặng trịch từ lưng lừa sang lưng ngựa /...*  ? Qua câu chuyện, em hiểu điều gì?  - GV kết luận: Ngựa phải chịu hậu quả từ việc không giúp đỡ lừa. Nếu ngựa chịu giúp lừa một chút thì lừa đã không ngã ra bờ cỏ, thở hí hóp và ngựa đã không phải chở tất cả đồ của lừa. Cho nên, giúp đỡ người khác nhiều khi cũng là giúp mình. Chắc là chú ngựa trong câu chuyện này đã hiểu ra điều đó.  **4. Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV nhận xét tiết học.  - GV dặn HS về nhà kể cho người thân nghe điều em đã hiểu ra từ câu chuyện *Lừa và ngựa.* | - HS nghe và quan sát  - HS nghe  - HS quan sát, nghe và đọc  - HS trả lời: 6 câu  - Cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp).  - HS đọc (cá nhân, từng cặp).  - HS tìm: *còm nhom, hóp.*  - HS đọc  - 1HS đọc cả bài  - Cả lớp đọc  - 1 HS đọc  - HS làm vở bài tập  - HS nói kết quả  - (Ngựa không giúp lừa. / Ngựa không thương bạn. / Ngựa không giúp lừa nên khi lừa ngã, ngựa phải chở cả đồ của lừa. / Vì không chở giúp lừa một ít đồ nên ngựa đã phải chở tất cả đồ đạc của lừa. /...). |

***Điều chỉnh sau bài dạy:***

….…………………………………………………………………………………

….…………………………………………………………………………………